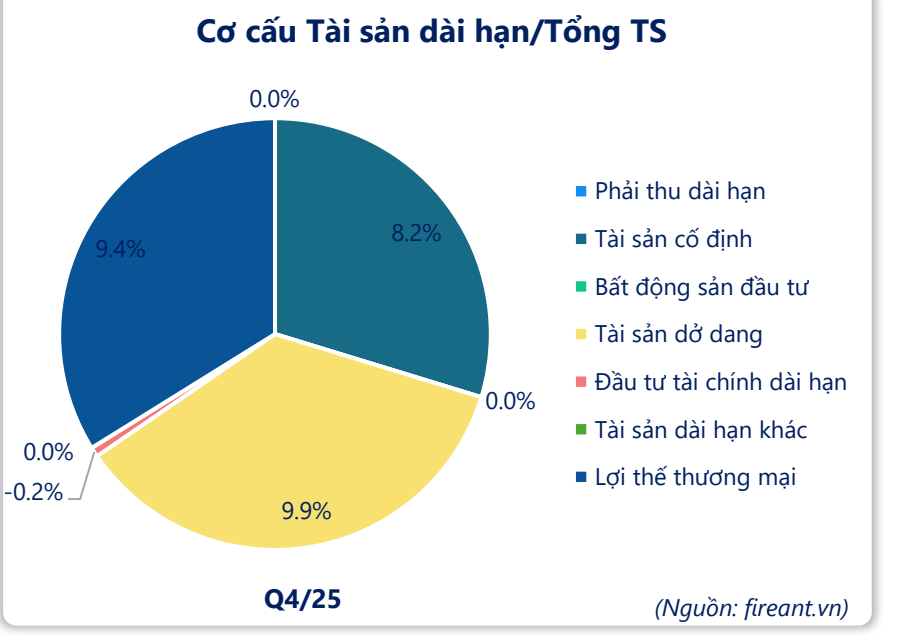
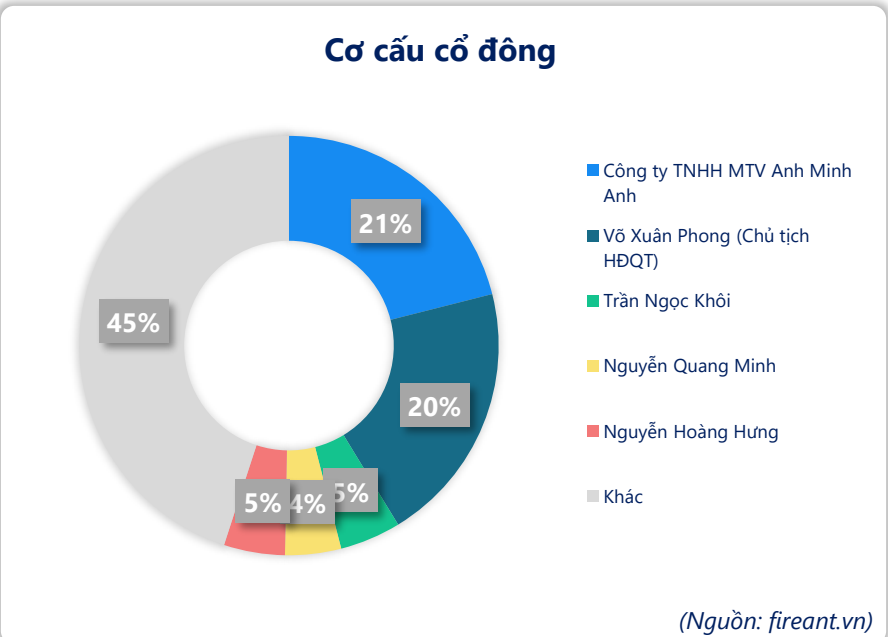
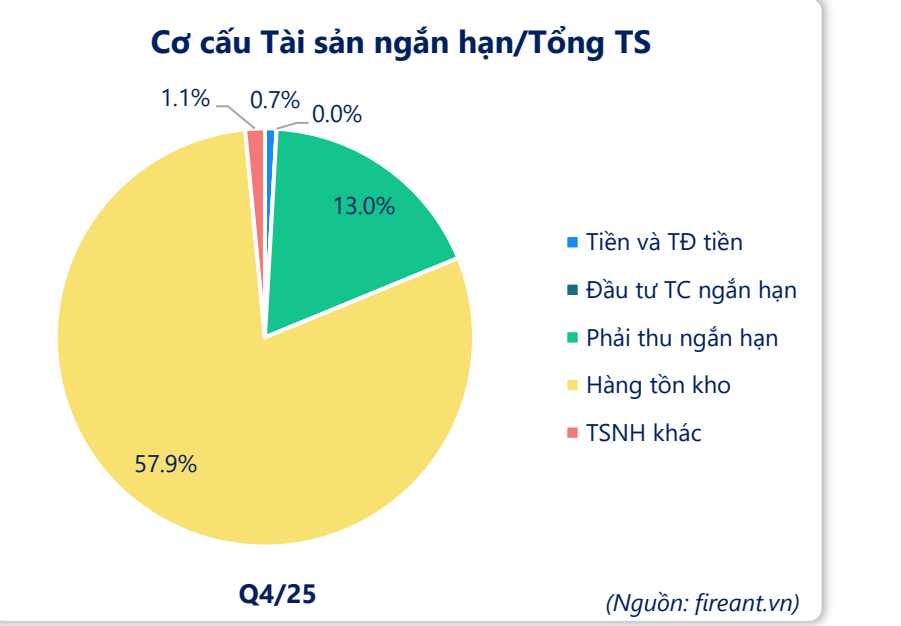
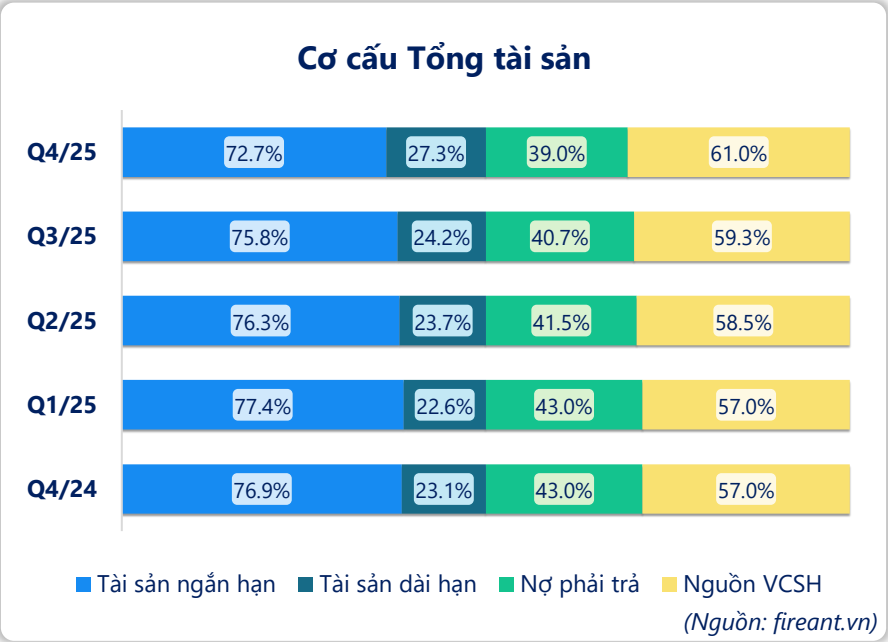
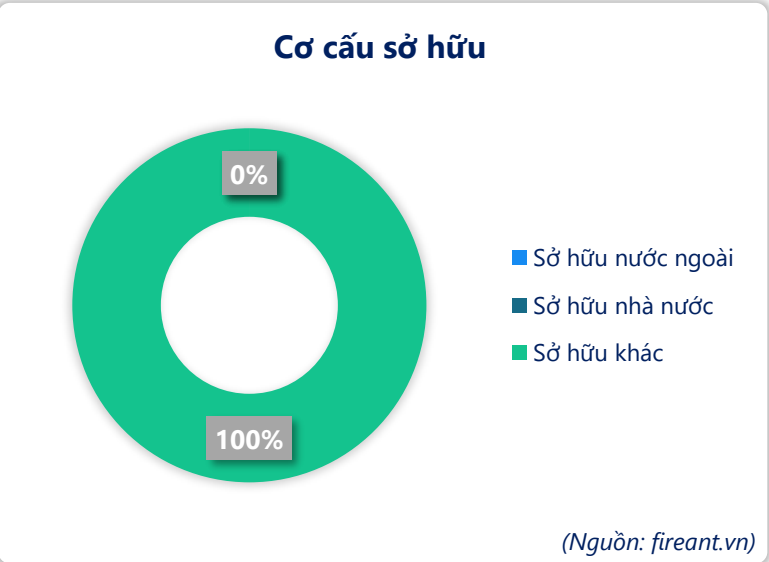
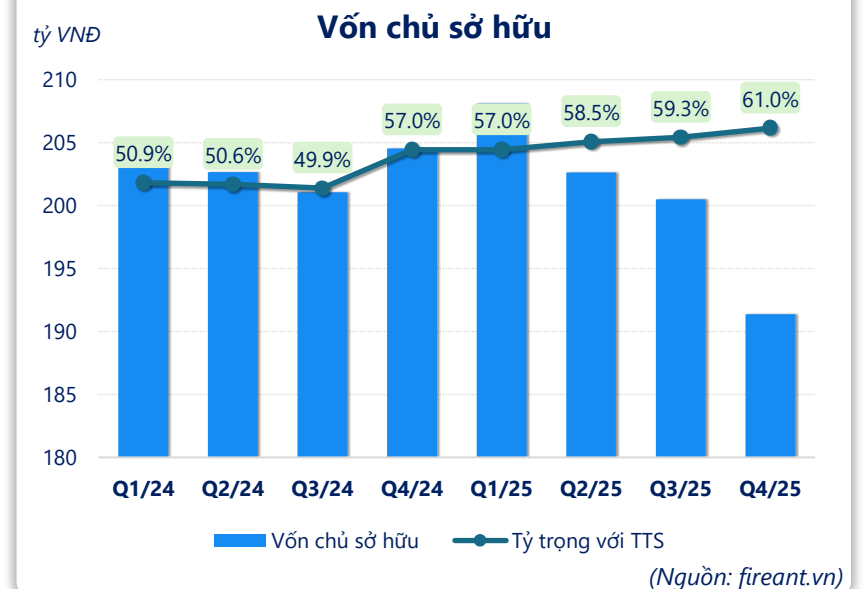
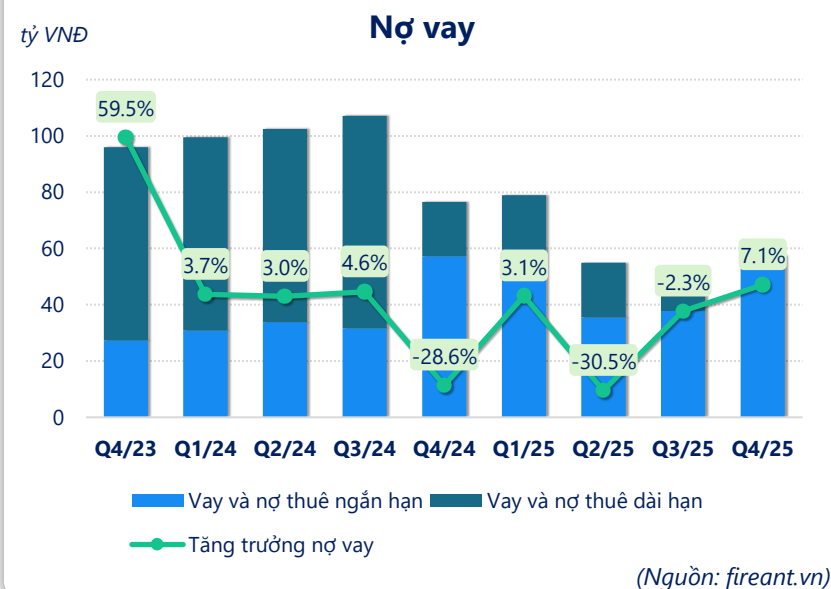
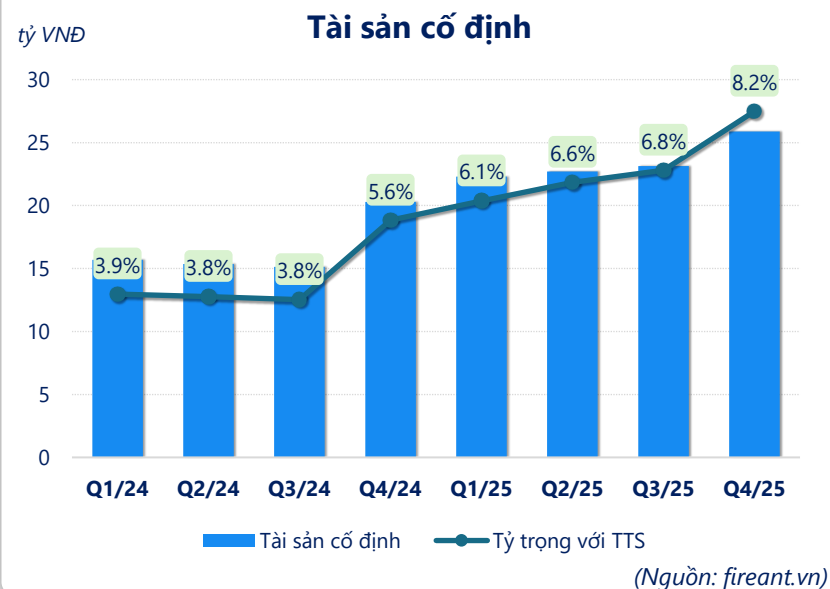
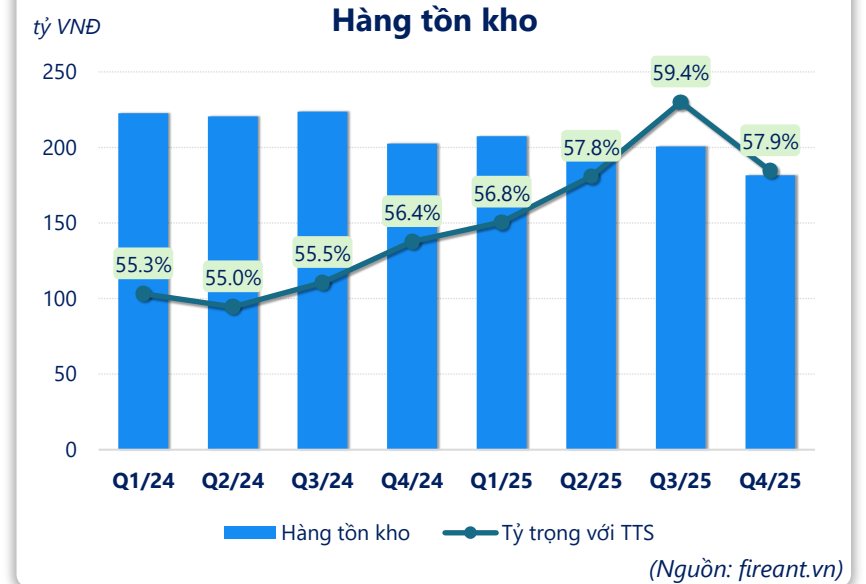
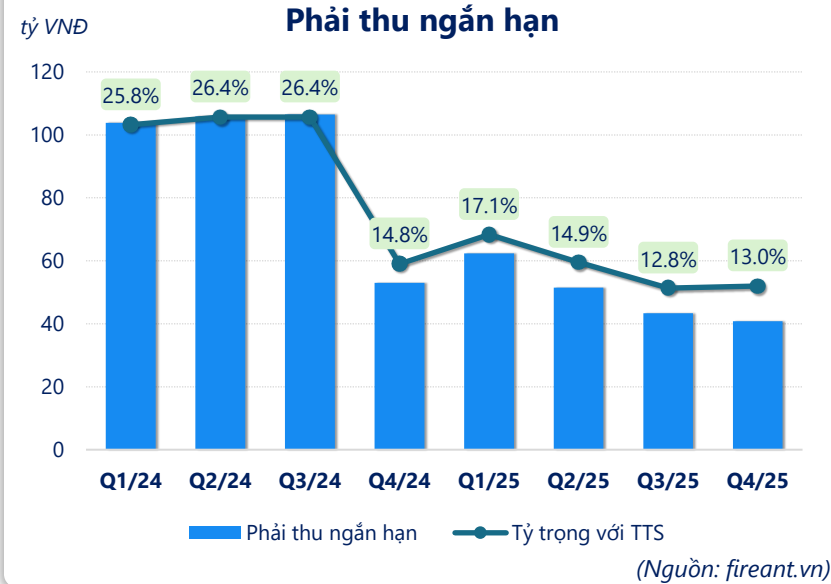
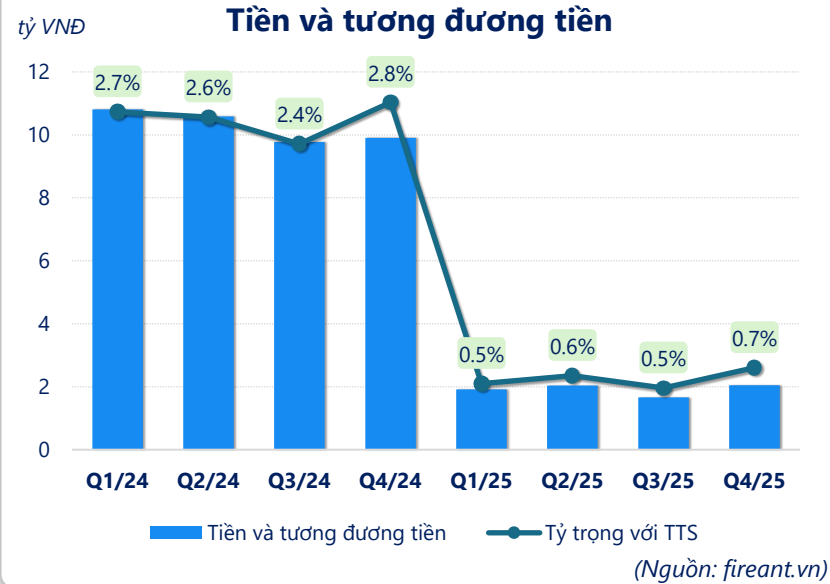
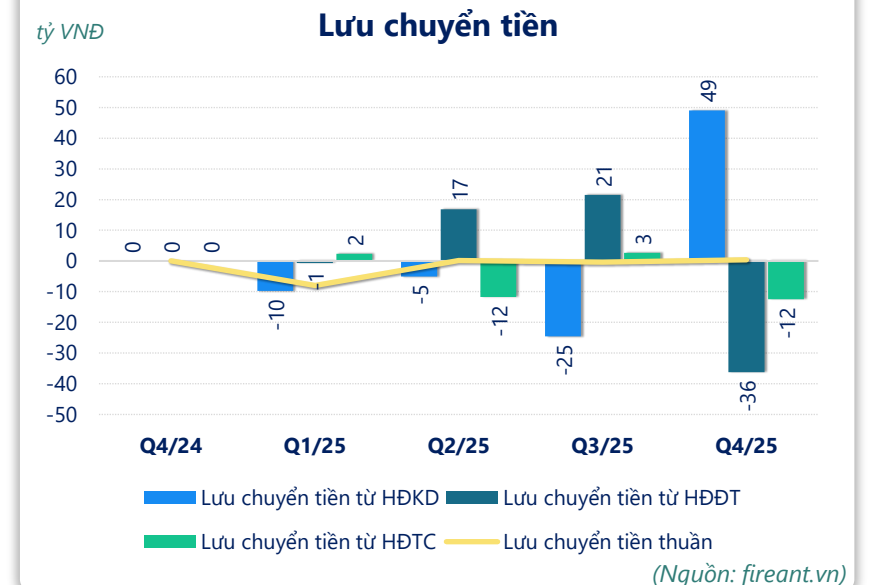
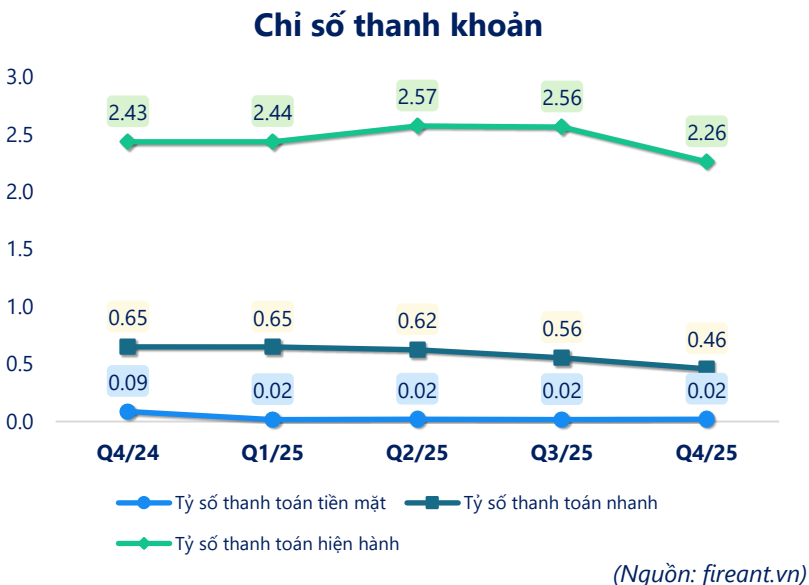
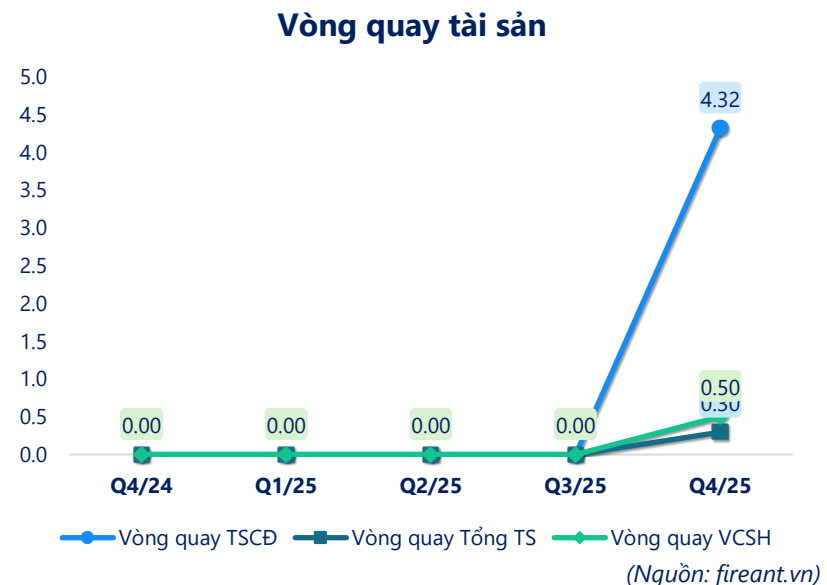
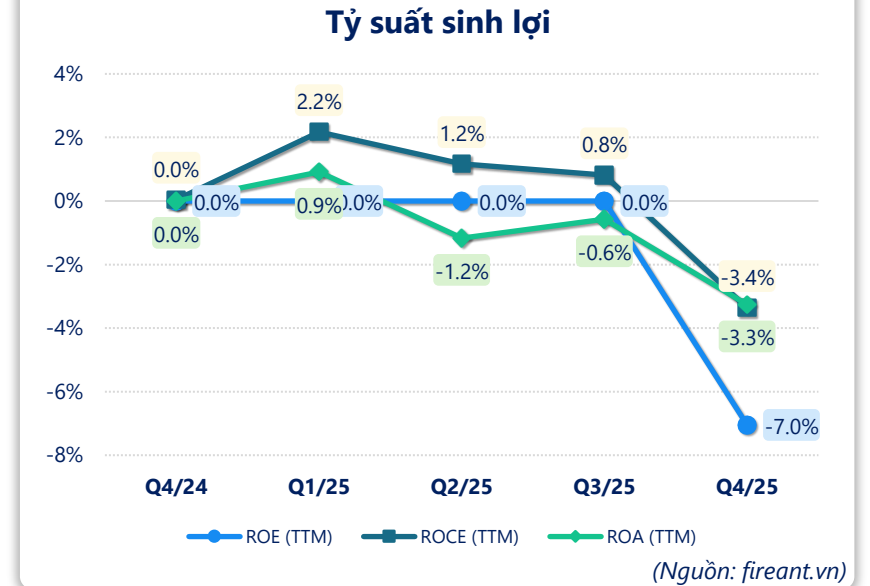
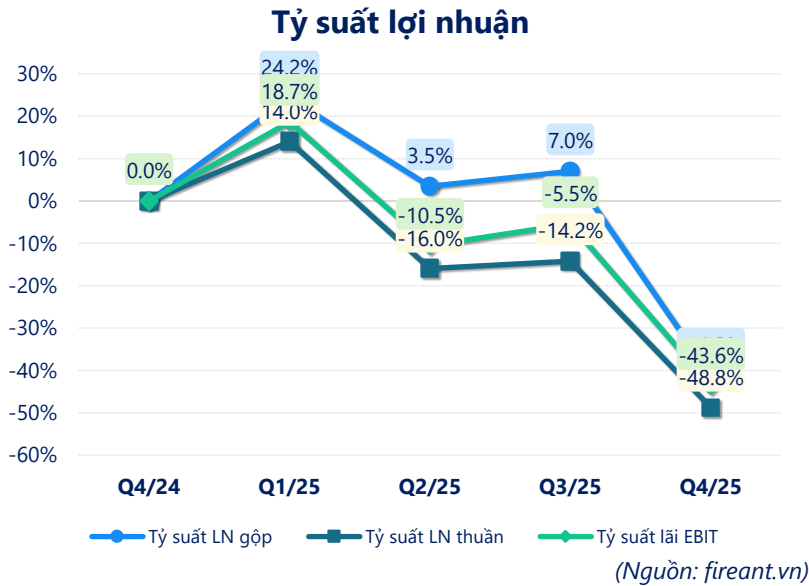
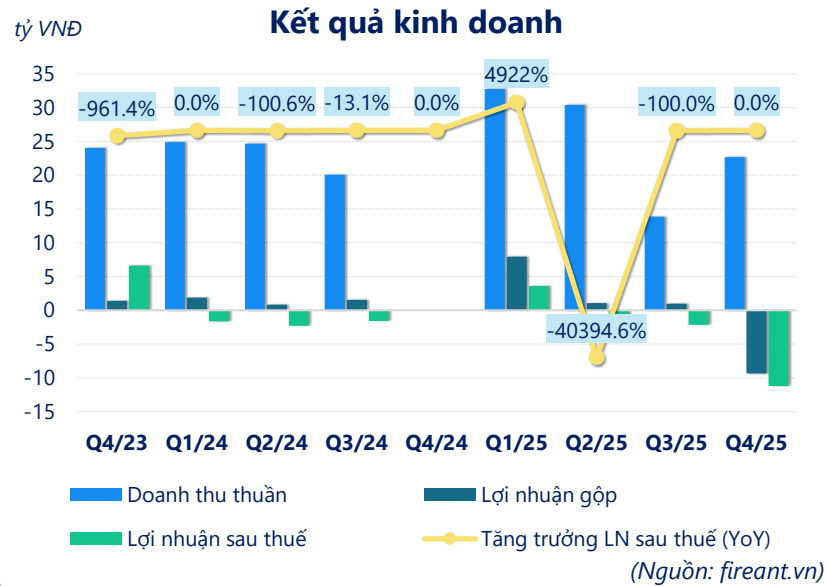


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,600
SL cổ phiếu LH		19,641,431
KLGD BQ 20 phiên (CP)		16,550
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		136
P/E		-9.7
EPS		-710

	YTD	1T	3T	6T
ILA	46.8%	6.2%	-4.2%	53.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	314	359	-12.6%
Tài sản ngắn hạn	228	276	-17.5%
Tiền và tương đương tiền	2.04	9.90	-79.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	9.73	-100%
Phải thu ngắn hạn	40.8	53.0	-23.0%
Hàng tồn kho	182	202	-10.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.45	1.13	206%
Tài sản dài hạn	85.8	82.8	3.6%
Phải thu dài hạn	0	10.6	-100%
Tài sản cố định	25.9	20.3	27.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	31.1	28.5	8.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	-0.63	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0.20	-100%
Lợi thế thương mại	29.5	23.2	26.8%
Nợ phải trả	122	154	-20.8%
Nợ ngắn hạn	101	113	-11.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	57.4	57.2	0.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	18.9	26.6	-29.0%
Nợ dài hạn	21.5	41.0	-47.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	19.4	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	191	205	-6.4%
Vốn chủ sở hữu	191	205	-6.4%
Vốn điều lệ	196	196	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần		32.8	30.4	13.9	22.7
Giá vốn hàng bán		24.8	29.3	12.9	32.0
Lợi nhuận gộp		7.94	1.05	0.97	-9.34
Doanh thu HĐTC		0.09	0.13	0.04	0.09
Chi phí TC		1.54	2.41	1.50	1.30
Chi phí lãi vay		1.54	1.79	1.26	1.30
LN trong công ty LKLD		0	0	0	0
Chi phí bán hàng		0.09	0.25	0.04	0.01
Chi phí QLDN		1.81	3.36	1.44	0.50
LN thuần từ HĐKD		4.59	-4.84	-1.97	-11.1
Lợi nhuận khác		0.00	-0.15	-0.05	-0.13
LN trước thuế		4.59	-4.99	-2.02	-11.2
Lợi nhuận sau thuế		3.59	-4.40	-2.16	-11.2
LNST của CĐ cty mẹ		3.51	-4.35	-2.14	-11.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	-9.72	-5.04	-24.6	49.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-0.65	16.9	21.5	-36.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	2.39	-11.7	2.68	-12.5
Tiền đầu kỳ	0	9.90	1.92	2.04	1.66
Lưu chuyển tiền thuần	0	-7.98	0.12	-0.38	0.39
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	1.92	2.04	1.66	2.04

(Nguồn: fireant.vn)